

Công ty Cổ phần Mía Đường
Thành Thành Công Tây Ninh
Báo cáo tài chính riêng
Quý 1 niên độ 01/07/2016 đến 30/06/2017

Ca

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh
Thông tin về Công ty

Giấy phép Đầu tư số 1316/GP ngày 15 tháng 7 năm 1995
Giấy chứng nhận Đầu tư số 451031000014 ngày 23 tháng 3 năm 2007
Giấy phép đầu tư số 1316/GP do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tây Ninh cấp và có giá trị trong 50 năm.

Giấy chứng nhận đầu tư của Công ty đã được điều chỉnh mười bốn lần, lần điều chỉnh gần đây nhất là giấy chứng nhận đầu tư số 451031000014 ngày 24 tháng 03 năm 2015. Giấy chứng nhận đầu tư và các điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tây Ninh cấp và có giá trị trong 50 năm kể từ ngày cấp giấy phép đầu tư đầu tiên.

Giấy chứng nhận ĐKDN Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty đã được đã được đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 22 tháng 10 năm 2015.
Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp và các điều chỉnh do Sở Kế Hoạch và Đầu tư tỉnh Tây Ninh cấp

Hội đồng Quản trị	Ông Phạm Hồng Dương	Chủ tịch
	Ông Lê Văn Đình	Phó Chủ tịch
	Bà Đặng Huỳnh Úc My	Thành viên
	Ông Nguyễn Quốc Việt	Thành viên
	Bà Phạm Thị Thu Trang	Thành viên

Ban Giám đốc	Ông Nguyễn Thanh Ngừ	Tổng Giám đốc
	Ông Nguyễn Văn Đệ	Phó Tổng Giám đốc
	Bà Dương Thị Tô Châu	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Nguyễn Việt Hùng	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Lê Đức Tồn	Giám Đốc Nhà Máy
	Bà Nguyễn Thị Thùy Tiên	Giám Đốc khối Tài Chính – Kế Toán
	Ông Trang Thanh Trúc	Giám Đối Đối Ngoại
	Bà Nguyễn Thị Thu Trang	Quyền Giám đốc Khối hỗ trợ
	Ông Huỳnh Văn Pháp	Giám đốc Kinh Doanh
Ông Thái Bá Hòa	Giám đốc Nguyên Liệu	

Ban Kiểm soát	Bà Nguyễn Thùy Vân	Trưởng Ban Kiểm soát
	Ông Huỳnh Thành Nhân	Thành viên
	Ông Nguyễn Xuân Thanh	Thành viên

Kế Toán Trưởng	Ông Lê Phát Tín	Kế toán trưởng
-----------------------	-----------------	----------------

Trụ sở đăng ký Xã Tân Hưng
Huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh
Việt Nam

Công ty kiểm toán Công ty TNHH Eamt & Young
Việt Nam

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh
Bảng cân đối kế toán riêng - quý 1 niên độ từ ngày 01/07/2016 đến 30/06/2017

Mẫu B 01a – DN

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/09/2016	30/06/2016
TÀI SẢN NGẮN HẠN				
(100) = 110+120+130+140+150	100		2.791.610.021.271	3.214.288.087.867
Tiền	110	5	145.005.221.954	558.391.859.290
Tiền	111	5	145.005.221.954	292.891.859.290
Các khoản tương đương tiền	112	5	-	265.500.000.000
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	12	90.000.000.000	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	12.1	90.000.000.000	-
Các khoản phải thu	130	6	1.855.360.403.544	1.504.662.661.343
Phải thu của khách hàng	131	6	417.902.215.624	516.463.033.554
Trả trước cho người bán	132	6	1.201.542.020.599	843.053.047.468
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		110.500.000.000	114.500.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	136	6	160.135.059.035	65.365.472.035
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi (*)	137	6	(34.718.891.714)	(34.718.891.714)
Hàng tồn kho	140	7	623.534.011.569	1.108.606.261.843
Hàng tồn kho	141	7	624.353.503.145	1.109.425.753.419
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149	7	(819.491.576)	(819.491.576)
Tài sản ngắn hạn khác	150	8	77.710.384.204	42.627.305.391
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	8	77.710.384.204	35.374.193.564
Thuế GTGT được khấu trừ	152	18	-	6.971.039.820
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	18	-	282.072.007

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính



TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+240+250+260)	200		2.865.554.337.905	2.605.401.883.150
Các khoản phải thu dài hạn	210		181.183.571.928	147.239.518.224
Trả trước cho người bán dài hạn	212	6	46.674.733.000	11.969.867.212
Phải thu dài hạn khác	216	6	134.508.838.928	135.269.651.012
Tài sản cố định	220		605.616.120.185	616.228.639.654
Tài sản cố định hữu hình	221	9	431.617.327.720	445.207.701.402
Nguyên giá	222	9	1.816.574.251.633	1.805.724.700.946
Giá trị hao mòn lũy kế(*)	223	9	(1.384.956.923.913)	(1.360.516.999.544)
Tài sản cố định vô hình	227	10	173.998.792.465	171.020.938.252
Nguyên giá	228	10	189.838.450.181	186.297.385.031
Giá trị hao mòn lũy kế(*)	229	10	(15.839.657.716)	(15.276.446.779)
Tài sản dở dang dài hạn	240	11	131.932.536.371	117.580.128.491
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		11	131.932.536.371	117.580.128.491
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	12	1.913.505.018.706	1.689.736.468.512
Đầu tư vào công ty con	251	12.2	967.629.504.600	967.629.504.600
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	12.2	865.630.319.400	463.135.039.400
Đầu tư dài hạn khác	253	12.2	86.527.033.167	259.937.095.306
Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn(*)	254	12.2	(6.281.838.461)	(965.170.794)
Tài sản dài hạn khác	260		33.317.090.715	34.617.128.269
Chi phí trả trước dài hạn	261	13	32.460.602.924	33.760.640.478
Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	14	856.487.791	856.487.791
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		5.657.164.359.176	5.819.689.971.017

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

NGUỒN VỐN

NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		2.747.824.185.636	3.118.083.369.740
Nợ ngắn hạn	310		1.782.347.984.261	2.147.503.211.240
Phải trả người bán ngắn hạn	311	16	67.243.731.634	41.308.852.036
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	17	10.827.071.978	84.757.124.609
Thuế và các khoản phải nộp cho nhà nước	313	18	17.974.908.948	7.849.822.920
Phải trả công nhân viên	314	20	38.191.518	1.791.569.503
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	19	46.039.044.789	45.239.792.724
Các phải trả ngắn hạn khác	319	20	4.714.097.419	23.864.799.630
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	15	1.628.745.411.322	1.925.675.427.139
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	21	6.765.526.653	17.015.822.679
Nợ dài hạn	330		965.476.201.375	970.580.158.500
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	22	965.476.201.375	970.580.158.500
NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430)	400		2.909.340.173.540	2.701.606.601.277
Vốn chủ sở hữu	410		2.909.340.173.540	2.701.606.601.277
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	23	1.947.610.330.000	1.947.610.330.000
<i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>	411a	23	1.947.610.330.000	1.947.610.330.000
Thặng dư vốn cổ phần	412	23	221.964.964.065	155.174.403.823
Cổ phiếu quỹ	415	24	-	(40.306.862.293)
Quỹ đầu tư phát triển	418	26	243.709.260.201	243.709.260.201
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	23	496.055.619.274	395.419.469.546
<i>LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước</i>	421a	23	395.419.469.546	126.036.070.398
<i>LNST chưa phân phối kỳ này</i>	421b	23	100.636.149.728	269.383.399.148
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (430=300+400)	430		5.657.164.359.176	5.819.689.971.017

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh
Bảng cân đối kế toán riêng- quý 1 niên độ từ ngày 01/07/2016 đến 30/06/2017
(tiếp theo)

Lập bảng



Đặng Thị Diễm Trinh

Kế Toán Trưởng



Lê Phát Tín

Ngày 28 tháng 10 năm 2016



Mẫu B 01a – DN

Người duyệt

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thanh Ngự

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Giai đoạn từ 01/07 đến 30/09	
			Kỳ này	Kỳ trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	27	842.540.809.289	655.453.533.008
2. Các khoản giảm trừ	03	27	24.641.775	859.275.118
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01- 03)	10		842.516.167.514	654.594.257.890
4. Giá vốn hàng bán	11	28	719.719.970.124	535.898.053.567
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 -11)	20		122.796.197.390	118.696.204.323
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	31	76.997.870.774	12.107.479.563
7. Chi phí tài chính	22	32	46.788.370.833	34.030.432.543
Trong đó : Chi phí lãi vay	23		40.177.811.707	12.830.796.787
8. Chi phí bán hàng	24	29	10.009.974.129	17.068.883.552
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	30	26.963.869.727	17.676.172.645
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh [30=20+(21-22)-(24+25)]	30		116.031.853.475	62.028.195.146
11. Thu nhập khác	31		41.477.511	892.521.202
12. Chi phí khác	32		725.335.255	798.993.009
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		(683.857.744)	93.528.193
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		115.347.995.731	62.121.723.339
15. Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	33	14.711.846.003	8.968.841.409
16. Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	
17. Lợi nhuận sau thuế (60=50-51-52)	60		100.636.149.728	53.152.881.930

Lập bảng



Đặng Thị Diễm Trinh

Kế Toán Trưởng



Lê Phát Tín



Tổng Giám Đốc



Nguyễn Thanh Ngự

Ngày 28 tháng 10 năm 2016

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

	Mã số	Từ 01/07/2016 đến 30/09/2016	Từ 01/07/2015 đến 30/09/2015
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận trước thuế	1	115.347.995.731	61.879.276.432
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao và phân bổ	2	25.003.135.306	22.116.265.712
Các khoản dự phòng	3	5.316.667.667	(9.698.775.678)
Lãi từ thanh lý tài sản cố định		-	(69.953.435)
(Lãi) / Lỗ CLTG hối đoái chưa thực hiện	4	(196.005.697)	23.783.087.602
Lãi/Lỗ từ hoạt động đầu tư			
Lãi /Lỗ từ thanh lý đầu tư vào đơn vị khác	5	(53.970.660.402)	-
Lãi tiền gửi ngân hàng và cho vay đơn vị khác	5	(17.263.241.886)	(6.405.537.981)
Lãi từ khoản trả trước cho nông dân trồng mía	5	(3.108.681.847)	(2.671.001.069)
Thu nhập cổ tức	5	(1.857.830.000)	-
Chi phí lãi vay	6	40.177.811.707	12.830.796.787
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	8	109.449.190.579	101.764.158.370
Biến động các khoản phải thu	9	(381.860.997.511)	(736.098.626.070)
Biến động hàng tồn kho	10	476.690.672.774	225.927.786.553
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	(78.325.884.604)	173.778.143.247
Biến động chi phí trả trước	12	(41.059.553.086)	(23.497.228.271)
Tiền lãi vay đã trả	14	(20.580.683.621)	(12.188.465.555)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(7.849.822.749)	(2.965.064.376)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	280.162.839
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(10.250.296.026)	(2.447.973.334)
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động kinh doanh	20	46.212.625.756	(275.447.106.597)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

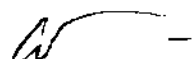
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ

Tiền chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21	(18.377.909.098)	(78.578.038.014)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22	-	69.953.435
Tiền chi mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(90.000.000.000)	-
Tiền chi cho vay đơn vị khác	23	(200.000.000.000)	(24.100.000.000)
Tiền thu cho vay từ đơn vị khác	24	204.000.000.000	-
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(402.495.280.000)	(22.511.978.196)
Tiền thu đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	227.380.722.541	3.015.679.213
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	14.852.282.589	5.645.282.032
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động đầu tư	30	(264.640.183.968)	(116.459.101.530)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

Tiền thu từ tái phát hành cổ phiếu quỹ	31	107.097.422.535	24.286.017.941
Tiền vay ngắn hạn và dài hạn nhận được	33	1.299.691.111.932	890.406.038.468
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(1.601.676.334.874)	(461.502.708.483)
Tiền chi trả cổ tức	36	(38.838.200)	(14.283.875)
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động tài chính	40	(194.926.638.607)	453.175.064.051
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	(413.354.196.819)	61.268.855.924
Tiền đầu năm	60	558.391.859.290	135.966.594.558

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính



Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng (phương pháp gián tiếp) - Quý 1 niên độ từ ngày 01/07/2016
đến 30/06/2017 (tiếp theo)

Mẫu B 03a – DN

Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi
ngoại tệ

(32.440.517)

Tiền cuối năm (70 = 50 + 60)

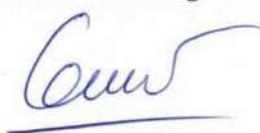
70	145.005.221.954	197.235.450.482
----	-----------------	-----------------

Lập bảng



Đặng Thị Diễm Trinh

Kế Toán Trưởng



Lê Phát Tín



Người duyệt
Tổng Giám Đốc

Nguyễn Thanh Ngữ

Ngày 28 tháng 10 năm 2016

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng- quý 1 niên độ từ ngày 01/07/2016 đến 30/06/2017

Mẫu B 09a - DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh (trước đây là Công ty Cổ phần Bourbon Tây Ninh) ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Hoạt động chính của Công ty là sản xuất đường và điện; trồng cây mía; sản xuất và kinh doanh các sản phẩm có sử dụng đường hoặc sử dụng phụ phẩm, phế phẩm từ sản xuất đường; sản xuất, kinh doanh phân bón, vật tư nông nghiệp; xây dựng các công trình dân dụng; kinh doanh khách sạn, nhà hàng; xây dựng và kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp; gia công cơ khí; tư vấn kỹ thuật, công nghệ và quản lý trong ngành sản xuất mía đường; sản xuất, kinh doanh cồn và các sản phẩm phụ sau cồn; kinh doanh bất động sản, cho thuê căn hộ, văn phòng, nhà ở, đầu tư tài chính thông qua các hoạt động; đầu tư vốn vào các công ty cùng ngành và các đối tác chiến lược, đầu tư vốn vào lĩnh vực bất động sản, mua bán chứng khoán niêm yết trên thị trường chứng khoán; sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng (sản xuất nước khoáng, nước tinh khiết đóng chai); chế biến và bảo quản rau quả (chế biến hàng nông sản); bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu khác (trừ gỗ, tre, nứa và mùn cao su)); bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp; vận tải hàng hóa bằng đường bộ; chưng, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh; truyền tải và phân phối điện.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy phép số 27/QĐ-SGDCKHCM do Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 18 tháng 2 năm 2008.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại Xã Tân Hưng, Huyện Tân Châu, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam và văn phòng đại diện tại Lầu 1, Số 62 Đường Trần Huy Liệu, Phường 12, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2016, Công ty có 501 nhân viên, trong đó số lượng nhân viên thời vụ là 2 nhân viên (ngày 30 tháng 09 năm 2015: 496 nhân viên)

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính riêng được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan áp dụng cho các báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính này là báo cáo tài chính riêng của Công ty và chưa hợp nhất với báo cáo tài chính của công ty con. Các khoản đầu tư vào công ty con được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn, nếu có, trong báo cáo tài chính. Công ty lập báo cáo tài chính hợp nhất trong đó báo cáo tài chính của công ty con được hợp nhất vào báo cáo tài chính của Công ty. Báo cáo tài chính hợp nhất được phát hành riêng biệt.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Năm 2013 trở về trước, kỳ kế toán năm của Công ty từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

Từ năm 2014, căn cứ theo nghị quyết số 01/2014/NQ-ĐHĐCĐ ngày 28/04/2014, Năm tài khóa của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 07 và kết thúc vào ngày 30 tháng 06 của năm liền kề.

Theo đó:

Năm tài khóa áp dụng niên độ mới thì ngày bắt đầu là ngày 01 tháng 07 năm này và kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm liền kề.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Báo cáo tài chính được lập và trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND").

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái của ngày kết thúc niên độ kế toán. Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái xấp xỉ tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

- (i) Kể từ kỳ kế toán 01 tháng 07 năm 2015 đến 30 tháng 06 năm 2016, Công ty sẽ lập báo cáo tài chính theo thông tư 200/2014/TT/BTC.

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(c) Các khoản đầu tư

Các khoản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư, nếu cần thiết, trong báo cáo tài chính này. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi giá thị trường của khoản đầu tư giảm xuống thấp hơn nguyên giá hoặc nếu công ty nhận đầu tư bị lỗ theo hướng dẫn của Thông tư 89/2013/TT-BTC do Bộ Tài Chính ban hành ngày 28 tháng 6 năm 2013 sửa đổi Thông tư 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài Chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009. Tăng hoặc giảm các khoản dự phòng giảm giá đầu tư được ghi nhận là chi phí tài chính trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư này khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.



Phần lợi nhuận được phân phối từ kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty nhận đầu tư phát sinh sau ngày Công ty mua lại được ghi nhận như khoản thu nhập trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Phần lợi nhuận phân phối từ các nguồn không phải là kết quả hoạt động kinh doanh phát sinh sau ngày được Công ty mua lại được xem như là khoản thu hồi đầu tư và được giảm trừ vào nguyên giá của khoản đầu tư.

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(e) Trả trước cho người bán

Bao gồm trong khoản trả trước cho người bán là khoản trả trước cho nông dân để trồng mía được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng cho các khoản phải thu quá hạn. Dự phòng cho các khoản phải thu quá hạn được lập theo hướng dẫn của Thông tư 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009.

(f) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(g) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- | | |
|--------------------------|------------|
| ▪ nhà cửa | 5 – 30 năm |
| ▪ máy móc và thiết bị | 2 – 20 năm |
| ▪ phương tiện vận chuyển | 5 – 6 năm |



- thiết bị văn phòng 3 – 5 năm
- khác 4 – 15 năm

(h) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng trong vòng 50 năm.

(ii) Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 2 năm.

(i) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(j) Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn chủ yếu bao gồm công cụ, dụng cụ, chi phí nâng cấp và cải tạo và được ghi nhận theo nguyên giá và phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 2 năm.

(k) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và khoản phải trả khác thể hiện theo nguyên giá.

(l) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Dự phòng chi phí hoạt động cố định

Dự phòng chi phí hoạt động cố định liên quan đến các chi phí ước tính có thể phát sinh trong giai đoạn không sản xuất theo mùa vụ. Các khoản dự phòng được ước tính dựa trên kinh nghiệm, các sự kiện và các đánh giá hợp lý của Ban Giám đốc. Theo đó, các thông tin và sự kiện được dùng để ước tính các khoản dự phòng có thể thay đổi trong các giai đoạn tiếp theo và do đó kết quả xảy ra có thể cao hơn hoặc thấp hơn so với các đánh giá đã được trình bày trong các báo cáo định kỳ.



(m) Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Việc phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi được căn cứ theo nghị quyết của các cổ đông. Quỹ này chỉ được sử dụng để chi trả thưởng và phúc lợi cho nhân viên của Công ty. Các khoản chi trả từ quỹ khen thưởng và phúc lợi không được ghi nhận vào trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

(n) Phân loại các công cụ tài chính

Nhằm mục đích duy nhất là cung cấp các thông tin thuyết minh về tầm quan trọng của các công cụ tài chính đối với tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty và tính chất và phạm vi rủi ro phát sinh từ các công cụ tài chính. Công ty phân loại các công cụ tài chính như sau:

(i) Tài sản tài chính

Tài sản tài chính được phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Tài sản tài chính được Ban Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh, nếu:
 - được mua hoặc tạo ra chủ yếu nhằm mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty xếp tài sản tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được Công ty xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các tài sản tài chính đã được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán; và
- các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:

- các khoản mà Công ty có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Công ty xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- Các khoản được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc

- Các khoản mà người nắm giữ có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

Tài sản sẵn sàng để bán

Tài sản sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- các tài sản tài chính phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn; hoặc
- các khoản cho vay và các khoản phải thu.

(ii) Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Nợ phải trả tài chính được Ban Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Một khoản nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh nếu thỏa mãn một trong các điều kiện sau:
 - được tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được phản ánh là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại là nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh sẽ được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Việc phân loại các công cụ tài chính kể trên chỉ nhằm mục đích trình bày và thuyết minh và không nhằm mục đích mô tả phương pháp xác định giá trị của các công cụ tài chính. Các chính sách kế toán về xác định giá trị của các công cụ tài chính được trình bày trong các thuyết minh liên quan khác.

(o) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử

dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(p) Vốn cổ phần

(i) Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được phân loại là vốn chủ sở hữu. Các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu phổ thông được ghi nhận như một khoản giảm trừ từ vốn chủ sở hữu.

(ii) Các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu

Việc phân phối vào các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu được căn cứ theo quyết định của các cổ đông tại Đại hội Cổ đông hàng năm.

(q) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại.

(ii) Điện

Doanh thu được ghi nhận dựa trên khối lượng điện đã cung cấp và giá bán đã thỏa thuận với người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu có sự không chắc chắn trọng yếu đối với việc thu hồi các khoản phải thu.

(iii) Doanh thu từ tiền lãi

Doanh thu từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(iv) Doanh thu từ cổ tức

Doanh thu từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được thiết lập.

(r) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(s) Chi phí vay

Chi phí vay được ghi nhận là một chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện thì khi đó chi phí vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản cố định này.

(t) Lãi trên cổ phiếu

Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong kỳ. Công ty không có cổ phiếu phổ thông suy giảm tiềm năng.

(u) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

(v) Các công ty liên quan

Các công ty liên quan bao gồm các cổ đông, công ty mẹ cấp cao nhất, các công ty con và công ty liên kết của các công ty này.

4. Báo cáo bộ phận

Công ty chủ yếu hoạt động trong một bộ phận kinh doanh duy nhất là sản xuất và kinh doanh đường và các sản phẩm phụ liên quan và trong một bộ phận địa lý là Việt Nam.

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng - quý 1 niên độ từ ngày 01/07/2016 đến 30/06/2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09a - DN

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/09/2016	30/06/2016
	VND	VND
Tiền mặt	2.679.837.662	292.891.859.290
Tiền gửi Ngân hàng	142.325.384.292	
Các khoản tương đương tiền	-	265.500.000.000
Tiền và các khoản tương đương tiền trong báo cáo lưu chuyển tiền tệ	145.005.221.954	558.391.859.290

6. Các khoản phải thu ngắn hạn và dài hạn:

Phải thu khách hàng:

	30/09/2016	30/06/2016
	VND	VND
Phải thu khách hàng:	328.704.511.174	372.424.911.831
Phải thu các bên liên quan	89.197.704.450	144.038.121.723
	417.902.215.624	516.463.033.554

Trả trước ngắn hạn bao gồm:

	30/09/2016	30/06/2016
	VND	VND
Ứng trước ngắn hạn cho nông dân trồng mía	289.376.406.191	299.930.911.121
Trả trước ngắn hạn cho người bán	310.466.908.868	405.994.009.159
Trả trước ngắn hạn cho các bên liên quan	601.698.705.540	137.128.127.188
	1.201.542.020.599	843.053.047.468

Khoản ứng trước cho nông dân trồng mía được bảo đảm một phần bởi quyền sử dụng đất của nông dân và hưởng lãi suất năm dao động từ 8% đến 13% trong kỳ. Các khoản ứng trước cho nông dân được thu hồi tối đa trong vòng 3 năm kể từ ngày của từng đợt giải ngân.

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng - quý 1 niên độ từ ngày 01/07/2016 đến 30/06/2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09a - DN

Phải thu ngắn hạn khác bao gồm:

	30/09/2016	30/06/2016
	VND	VND
Lãi phải thu	47.845.583.922	44.316.113.405
Tạm ứng nhân viên	9.753.193.068	17.856.943.497
Phải thu dự án Svayrieng	1.519.429.573	1.315.729.513
Ký cược, ký quỹ	10.805.051.629	75.030.000
Thuế nhập khẩu chờ xử lý	89.212.067.489	-
Phải thu khác	999.733.354	1.801.655.620
	160.135.059.035	65.365.472.035
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải thu các bên liên quan (thuyết minh 34)</i>	<i>5.572.690.393</i>	<i>6.691.903.716</i>
<i>Phải thu từ các bên khác</i>	<i>154.562.368.642</i>	<i>58.673.568.319</i>

Phải thu dài hạn khác bao gồm:

	30/09/2016	30/06/2016
	VND	VND
Trả trước dài hạn cho nông dân trồng mía	46.674.733.000	11.969.867.212
Phải thu dài hạn dự án Svayrieng	12.707.425.000	12.707.425.000
Ký quỹ, ký cược dài hạn – đất	121.801.413.928	122.562.226.012
	181.183.571.928	147.239.518.224

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng - quý 1 niên độ từ ngày 01/07/2016 đến 30/06/2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09a - DN

7. Hàng tồn kho

	30/09/2016	30/06/2016
	VND	VND
Nguyên vật liệu	52.274.175.292	77.181.749.394
Công cụ và dụng cụ	1.138.432.094	674.347.457
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	44.868.500.325	30.573.298.646
Thành phẩm	512.244.132.814	862.584.069.217
Hàng hóa	13.828.262.620	85.092.056.316
Hàng gửi đi bán	-	4.089.182.494
Hàng hóa bất động sản	-	49.231.049.895
	624.353.503.145	1.109.425.753.419
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(819.491.576)	(819.491.576)
	623.534.011.569	1.108.606.261.843

8. Chi phí trả trước:
Ngắn hạn

	30/09/2016	30/06/2016
	VND	VND
Chi phí chờ phân bổ	65.763.830.069	29.899.393.335
Khác	11.946.554.135	5.474.800.229
	77.710.384.204	35.374.193.564

Dài hạn

	30/09/2016	30/06/2016
	VND	VND
Tiền thuê đất trả trước	29.321.090.421	31.194.241.064
Khác	3.139.512.503	2.566.399.414
	32.460.602.924	33.760.640.478

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Công Tây Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng- quý I niên độ từ ngày 01/07/2016 đến 30/06/2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a - DN

9. Tài sản cố định hữu hình:

Nguyên giá	Nhà cửa VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Khác VND	Tổng VND
Số dư đầu niên độ	304.297.085.125	1.412.376.512.273	23.884.270.446	6.704.502.572	58.462.330.530	1.805.724.700.946
Tăng trong niên độ	367.768.182	8.405.531.778	1.132.502.727	943.748.000	-	10.849.550.687
Số dư cuối kỳ	304.664.853.307	1.420.782.044.051	25.016.773.173	7.648.250.572	58.462.330.530	1.816.574.251.633
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu niên độ	171.986.176.728	1.111.853.615.601	13.143.191.142	5.136.894.056	58.397.122.017	1.360.516.999.544
Khấu hao trong niên độ	3.099.761.461	20.515.557.386	645.182.671	171.152.612	8.270.239	24.439.924.369
Số dư cuối kỳ	175.085.938.189	1.132.369.172.987	13.788.373.813	5.308.046.668	58.405.392.256	1.384.956.923.913
Giá trị còn lại						
Số dư đầu kỳ	132.310.908.397	300.522.896.672	10.741.079.304	1.567.608.516	65.208.513	445.207.701.402
Số dư cuối kỳ	129.578.915.118	288.412.871.064	11.228.399.360	2.340.203.904	56.938.274	431.617.327.720

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng - quý 1 niên độ từ ngày 01/07/2016 đến 30/06/2017
 (tiếp theo)

Mẫu B 09a - DN

10. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy vi tính	Tổng cộng
	VND	VND	VND
Nguyên giá			
Số dư đầu niên độ	175.349.011.459	10.948.373.572	186.297.385.031
Tăng trong niên độ	-	3.541.065.150	3.541.065.150
Số dư cuối kỳ	175.349.011.459	14.489.438.722	189.838.450.181
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu niên độ	10.627.513.423	4.648.933.356	15.276.446.779
Khấu hao trong niên độ	109.239.307	453.971.630	563.210.937
Số dư cuối kỳ	10.736.752.730	5.102.904.986	15.839.657.716
Giá trị còn lại			
Số dư đầu kỳ	164.721.498.036	6.299.440.216	171.020.938.252
Số dư cuối kỳ	164.612.258.729	9.386.533.736	173.998.792.465

11. Xây dựng cơ bản dở dang

	Giai đoạn 30/09/2016 VND	Giai đoạn 30/06/2016 VND
Số dư đầu năm	117.580.128.491	168.922.294.355
Tăng trong kỳ	28.743.023.717	213.543.707.442
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(10.849.550.687)	(106.033.895.280)
Chuyển sang tài sản cố định vô hình	(3.541.065.150)	(134.983.796.640)
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	-	(7.477.348.691)
Chuyển sang chi phí trả trước ngắn hạn	-	(16.390.832.695)
Số dư cuối kỳ	131.932.536.371	117.580.128.491

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng - quý I niên độ từ ngày 01/07/2016 đến 30/06/2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09a - DN

12. Các khoản đầu tư:

12.1 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn:

	30/09/2016	30/06/2016
	VND	VND
Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam (*)	90.000.000.000	-
Tổng cộng	90.000.000.000	-

(*) Tiền gửi tại Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam có kỳ hạn 6 tháng

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Công Tây Ninh

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng- quý 1 niên độ từ ngày 01/07/2016 đến 30/06/2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a - DN

12.2 Các khoản đầu tư dài hạn:

Đầu tư dài hạn vào công ty con	30/09/2016		30/06/2016	
	Số lượng	% vốn sở hữu	Số lượng	% vốn sở hữu
				VND
• Công ty CP SXTM Cồn Thánh Thành Công (i)	18.900.000	90,00%	18.900.000	90,00%
• Công ty TNHH I TV Thánh Thành Công Gia Lai (ii)	38.999.876	100,00%	38.999.876	100,00%
• Công ty Tsu (iii)	12.000.000	94,94%	12.000.000	94,94%
			967.629.504.600	967.629.504.600
• Dự phòng đầu tư dài hạn			(3.325.951.824)	-
			964.303.552.776	967.629.504.600

(i) Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Cồn Thánh Thành Công ("TTCE") được thành lập tại Việt Nam theo giấy phép Kinh doanh số 3901183393 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tây Ninh cấp ngày 28 tháng 03 năm 2014. Trụ sở chính của TTCE đặt tại Ấp Tân Lợi, Xã Tân Hưng, Huyện Tân Châu, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam. Hoạt động chính của công ty là sản xuất cồn và các sản phẩm liên quan (bán sỉ); sản xuất và kinh doanh điện; sản xuất phân bón và trồng mía.

(ii) Công ty TNHH MTV Thành Công Gia Lai trước đây là Công ty CP Mía Đường Nhiệt Điện Gia Lai ("Đường Gia Lai") được thành lập theo giấy phép đầu tư số 1950/GP ngày 18/7/1997 của Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Gia Lai cấp. Trụ sở chính đặt tại 561 Trần Hưng Đạo, Thị xã Ayunpa, Tỉnh Gia Lai. Hoạt động chính của công ty là sản phẩm sau đường: mật ri, bánh kẹo, đồ uống; Sản xuất, truyền tải và phân phối điện; Sản xuất phân bón; Trồng và đầu tư mía giống, mía nguyên liệu; Sản xuất nước khoáng, nước tinh khiết đóng chai; Sản xuất cồn thực phẩm; Tư vấn, thiết kế kỹ thuật công nghệ lắp đặt và quản lý sản xuất liên quan đến ngành đường và cồn thực phẩm; Chung, tính cất, pha chế các loại rượu mạnh; Đầu tư tài chính.

(iii) Công ty TNHH tư nhân Đầu tư TSU. Công ty là Kinh doanh thương mại và thực hiện một phần công đoạn sản xuất, đóng gói các sản phẩm đường, mua bán đường thô và đường tinh luyện trên thế giới, mua bán, kinh doanh đường tinh, thực hiện kinh doanh, ký quỹ, mua bán hàng nông sản....

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng- quý 1 niên độ từ ngày 01/07/2016 đến 30/06/2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a - DN

	30/09/2016		30/06/2016	
	Số lượng	% vốn sở hữu	Số lượng	% vốn sở hữu
				VND
Đầu tư vốn dài hạn vào công ty liên kết:				
• Cty CP KCN Thành Thành Công (i)	24.500.000	49,00%	24.500.000	245.000.000.000
• Cty CP Đường Nước Trong (ii)	1.389.302	23,95%	1.389.302	53.765.987.400
• Cty CP Công nghiệp Hóa chất Tây Ninh (iii)	3.157.920	21,96%	3.157.920	31.579.200.000
• Cty CP NC & UD mía đường TTC (iv)	1.440.000	48,00%	1.440.000	15.120.000.000
• Cty CP Mía đường Tây Ninh (v)	11.536.260	39,23%	11.536.260	117.669.852.000
• Cty CP Xuất nhập khẩu Bến Tre (vi)	20.124.764	48,99%	-	-
			865.630.319.400	463.135.039.400
• Dự phòng đầu tư dài hạn			(2.062.736.567)	(126.775.323)
			863.567.582.833	463.008.264.077

(i) Công ty Cổ phần Khu Công Nghiệp Thành Thành Công (Trước đây là Công ty Cổ phần Bourbon An Hòa) ("TTCIZ") được thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép Kinh doanh số 3900471864 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tây Ninh cấp ngày 10 tháng 9 năm 2008. Trụ sở chính của TTCIZ đặt tại Thôn An Hội, Xã An Hòa, Huyện Trảng Bàng, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam. Hoạt động của Công ty là xây dựng cơ sở hạ tầng và cho thuê khu công nghiệp.

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng- quý 1 niên độ từ ngày 01/07/2016 đến 30/06/2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a - DN

- (ii) Công ty Cổ phần Đường Nước Trong ("Đường Nước Trong") được thành lập tại Việt Nam theo Quyết định số 299/QĐ-CT do Ủy ban Nhân dân Tỉnh Tây Ninh cấp ngày 7 tháng 4 năm 2005. Trụ sở chính của Đường Nước Trong đặt tại Ấp Hôi An, Xã Tân Hội, Huyện Tân Châu, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam. Hoạt động chính của công ty là sản xuất sản xuất đường; trồng mía, lúa mì, cao su và các loại cây lâm sản; chế biến hàng nông sản, thực phẩm, chế biến đồ uống có cồn; gia công, chế tạo và lắp đặt máy móc, thiết bị công nghiệp thực phẩm; kinh doanh xuất nhập khẩu tổng hợp.
- (iii) Công ty cổ phần công nghiệp hoá chất Tây Ninh ("Tanichem"). Giấy chứng nhận đầu tư số 45121000238 của Tanichem được cấp ngày 18 tháng 08 năm 2010, trụ sở chính tại Cụm Công Nghiệp Tân hội, ấp Hôi An, xã Tân Hội, Huyện Tân Châu, Tỉnh Tây Ninh. Sản phẩm chính của công ty là các sản phẩm tinh bột, nước uống không cồn, nước khoáng, phân bón, hợp chất nito, thoát nước, xử lý nước, nông lâm sản, nguyên liệu. ...
- (iv) Công ty Cổ phần Nghiên cứu và Ứng dụng Mía Đường Thành Thành Công ("Mía Đường Thành Thành Công" được thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép Kinh doanh số 3901162964 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tây Ninh cấp ngày 21 tháng 3 năm 2013. Trụ sở chính của Mía Đường Thành Thành Công đặt tại số 99, Ấp Bình Hòa, Xã Thái Bình, Huyện Châu Thành, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam. Hoạt động chính của công ty là nghiên cứu và lai tạo mía giống; phân tích đất, kỹ thuật canh tác và thuốc bảo vệ thực vật; chế tạo máy móc cơ giới trong sản xuất mía. Trong kỳ công ty đã mua thêm 720.000 cổ phiếu, nâng tỷ lệ nắm giữ lên 48%.
- (v) Công ty CP Mía đường Tây Ninh ("Mía đường Tây Ninh") trước đây là Công ty TNHH MTV Mía đường Tây Ninh được thành lập tại Việt Nam theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh ngày 23 tháng 05 năm 2007. Trụ sở chính của Mía đường Tây Ninh đặt tại Số 19, đường Võ Thị Sáu, Phường 3, Thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh. Hoạt động chính của Công ty là trồng, chế biến, kinh doanh các sản phẩm ngành mía đường. Khoai mì, cao su; sản xuất kinh doanh sản phẩm nhựa, gỗ, vật liệu xây dựng; chăn nuôi gia cầm, gia súc; kinh doanh bất động sản, đầu tư tài chính; kinh doanh thương mại, xuất nhập khẩu; kinh doanh vật tư và thiết bị phục vụ ngành mía đường, gỗ, cao su....
- (vi) Công ty Cổ phần xuất nhập khẩu Bến Tre "Xuất nhập khẩu Bến Tre" được thành lập tại Việt Nam theo GCNĐKKD số 1300104040 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bến Tre cấp ngày 26 tháng 5 năm 2006 và các GCNĐKKD điều chỉnh. Trụ sở chính của Xuất nhập khẩu Bến Tre đặt tại số 75 Đường 30 tháng 4, Phường 3, Thành phố Bến Tre, Tỉnh Bến Tre, Việt Nam. Hoạt động chính của công ty là Sản xuất, chế biến và kinh doanh các sản phẩm từ dừa; hàng nông sản; gia công xuất khẩu; dịch vụ du lịch và đầu tư tài chính.



Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng - quý 1 niên độ từ ngày 01/07/2016 đến 30/06/2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09a - DN

**Đầu tư chứng khoán dài hạn
vào công ty khác:**

	30/09/2016		30/06/2016	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
• Công ty CP Cao su Phước Hòa	3.715.660	67.004.967.683	3.715.660	67.004.967.683
• Công ty CP Mía đường Cần Thơ	840.897	18.752.003.100	840.897	18.752.003.100
• Công ty CP đường Biên Hòa	-	-	12.631.820	173.410.062.139
• Đầu tư dài hạn khác	-	770.062.384	-	770.062.384
	4.556.557	86.527.033.167	17.188.377	259.937.095.306
• Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	-	(893.150.071)	-	(838.395.471)
Số dư cuối kỳ	4.556.557	85.633.883.096	17.188.377	259.098.699.835

Biến động đầu tư ngắn hạn và dài hạn trong kỳ như sau:

	Ngắn hạn		Dài hạn	
	30/09/2016 VND	30/06/2016 VND	30/09/2016 VND	30/06/2016 VND
Số dư đầu năm	-	8.124.761.428	1.690.701.639.306	841.339.964.023
Tăng đầu tư trong kỳ	-	5.107.473.258	402.495.280.000	963.304.324.283
Thanh lý	-	(8.124.761.460)	(173.410.062.139)	-
Thu hồi các khoản đầu tư trong kỳ	-	(5.107.473.226)	-	(113.942.649.000)
Số dư cuối kỳ	-	-	1.919.786.857.167	1.690.701.639.306

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng - quý 1 niên độ từ ngày 01/07/2016 đến 30/06/2017
 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

Biến động của dự phòng giảm giá đầu tư trong kỳ như sau:

	Ngắn hạn		Dài hạn	
	30/09/2016 VND	30/06/2016 VND	30/09/2016 VND	30/06/2016 VND
Số dư đầu năm	-	1.103.230.060	965.170.794	202.235.087
Trích lập trong kỳ	-	7.066.221.368	5.385.000.754	838.098.687
Hoàn nhập trong kỳ	-	(8.169.451.428)	(68.333.087)	(75.162.980)
Số dư cuối kỳ	-	-	6.281.838.461	965.170.794

13. Chi phí trả trước dài hạn

	30/09/2016 VND	30/06/2016 VND
Số dư đầu kỳ	33.760.640.478	40.460.443.061
Tăng trong kỳ	2.532.108.485	7.114.767.097
Chuyển từ CP XD CB qua	-	7.477.348.691
Phân bổ trong kỳ	(3.832.146.039)	(21.291.918.371)
Số dư cuối kỳ	32.460.602.924	33.760.640.478

14. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến các khoản chênh lệch tạm thời phát sinh từ chi phí phải trả.



Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng - quý 1 niên độ từ ngày 01/07/2016 đến 30/06/2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

15. Vay ngắn hạn

	30/09/2016	30/06/2016
	VND	VND
Vay ngắn hạn	1.509.991.240.822	1.807.896.256.639
Trái phiếu dài hạn đến hạn trả	98.768.000.000	97.404.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả	19.986.170.500	20.375.170.500
Số dư cuối kỳ	1.628.745.411.322	1.925.675.427.139
<i>Trong đó:</i>		
<i>Vay từ các bên liên quan</i> <i>(thuyết minh 34)</i>	<i>184.386.342.000</i>	<i>184.386.342.000</i>
<i>Vay từ các bên khác</i>	<i>1.444.359.069.322</i>	<i>1.741.289.085.139</i>



Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng - quý I niên độ từ ngày 01/07/2016 đến 30/06/2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09a - DN

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau

Ngân hàng	Tiền tệ	30/09/2016 VND	30/06/2016 VND	Thuyết minh
• Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam	VND	126.200.000.000	100.000.000.000	Khoản vay này có hạn mức tối đa là 100 tỷ VND (30/06/2016: 100 tỷ VND). Khoản vay này được đảm bảo bằng các khoản phải thu với giá trị 100 tỷ VND.
• Ngân hàng TNHH MTV ANZ (Việt Nam)	VND	336.589.433.054	427.746.582.087	Khoản vay này có hạn mức tối đa là 20 triệu USD (30/06/2016: 20 triệu USD). Khoản vay này được đảm bảo bằng các khoản phải thu và hàng tồn kho với giá trị lần lượt là 9.375.000 USD và 9.375.000 USD.
• Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam-CN Tây Ninh	VND	156.919.900.662	159.774.939.311	Khoản vay này có hạn mức tối đa là 160 tỷ VND (30/06/2016: 160 tỷ VND). Khoản vay này được đảm bảo bằng hàng tồn kho và các khoản phải thu với giá trị lần lượt là 150 tỷ VND và 50 tỷ VND.
• Ngân hàng TMCP Công thương Tây Ninh	VND	-	169.999.426.573	Khoản vay này đã được tắt nợ
• Ngân hàng TNHH TM Chinatrust (Việt Nam)	VND	-	43.600.000.000	Khoản vay này đã được tắt nợ
• Ngân hàng TNHH Shinhan Việt Nam	VND	43.208.650.000	60.000.000.000	Khoản vay này có hạn mức tối đa là 60 tỷ VND (30/06/2016: 60 tỷ VND). Khoản vay này không được đảm bảo.



Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng - quý 1 niên độ từ ngày 01/07/2016 đến 30/06/2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

• Ngân hàng TMCP Quân đội- CN Đông Sài Gòn	VND	99.563.206.850	193.400.000.000	Khoản vay này có hạn mức tối đa là 100 tỷ VND (30/06/2016: 100 tỷ VND). Khoản vay này được đảm bảo bằng hàng tồn kho với giá trị là 143,75 tỷ VND
• Ngân hàng Natixis – CN Hồ Chí Minh	VND	87.826.883.891	97.147.441.339	Khoản vay này có hạn mức tối đa là 4,1 triệu USD (30/06/2016: 4,1 triệu USD). Khoản vay này được đảm bảo bằng hàng tồn kho và/ hoặc các khoản phải thu với giá trị là 4,1 triệu USD.
• Ngân hàng ACB Tân Thuận	VND	105.000.000.000	104.954.389.848	Khoản vay này có hạn mức tối đa là 105 tỷ VND (30/06/2016: 105 tỷ VND). Khoản vay này được đảm bảo bằng quyền sử dụng đất của Trung tâm thương mại Tây Ninh (35,678 tỷ), tài sản hình thành trong tương lai từ dự án (127,542 tỷ), 100% khoản phải thu từ dự án, các khoản phải thu 50 tỷ
• Ngân hàng Malayan Banking Berhad	VND	82.751.320.000	109.990.000.000	Khoản vay này có hạn mức tối đa là 5 triệu USD (30/06/2016: 5 triệu USD). Khoản vay này được đảm bảo bằng hàng tồn kho và các khoản phải thu với giá trị lần lượt là 2,5 triệu USD và 2,5 triệu USD.

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng - quý 1 niên độ từ ngày 01/07/2016 đến 30/06/2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

• Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam – CN Gia Định	VND	35.550.000.000	98.836.953.174	Khoản vay này có hạn mức tối đa là 250 tỷ VND (30/06/2016: 250 tỷ VND). Khoản vay này được đảm bảo một phần, trong đó 100 tỷ không được đảm bảo.
• Ngân hàng TMCP Phương Đông Việt Nam	VND	-	60.446.524.307	Khoản vay này đã được tái nợ
• Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam	VND	8.000.000.000	-	Khoản vay này không được đảm bảo và có hạn mức tối đa là 100 tỷ VND (30/06/2016: 100 tỷ VND). Khoản vay này được đảm bảo bằng hàng tồn kho và các khoản phải thu với giá trị lần lượt là 75 tỷ VND và 75 tỷ VND.
• Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	VND	246.381.846.365	-	Khoản vay này không được đảm bảo và có hạn mức tối đa là 250 tỷ VND (30/06/2016: 0 tỷ VND). Khoản vay này được đảm bảo bằng 93.688 m2 quyền sử dụng đất tại Tân Kim, Long An với giá trị định giá là 131,163 tỷ VND.
• Công ty CP Sản xuất Thương mại Cồn Thành Thành Công	VND	182.000.000.000	182.000.000.000	Khoản vay này không được đảm bảo và có hạn mức tối đa là 182 tỷ VND (30/06/2016: 182 tỷ VND)
		1.509.991.240.822	1.807.896.256.639	

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng - quý 1 niên độ từ ngày 01/07/2016 đến 30/06/2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a - DN

16. Phải trả người bán ngắn hạn:

	30/09/2016	30/06/2016
	VND	VND
Phải trả bên khác	48.913.871.906	27.732.468.985
Phải trả các bên liên quan	18.329.859.728	13.576.383.051
Số dư cuối kỳ	67.243.731.634	41.308.852.036

17. Người mua trả tiền trước

	30/09/2016	30/06/2016
	VND	VND
Khách hàng ứng trước	6.418.292.669	69.603.604.949
Các bên liên quan ứng trước	4.408.779.309	15.153.519.660
Số dư cuối kỳ	10.827.071.978	84.757.124.609

18. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước
Phải trả

	30/09/2016	30/06/2016
	VND	VND
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	14.711.846.174	7.849.822.920
Thuế Giá trị gia tăng	3.043.305.608	-
Thuế Thu nhập cá nhân	219.757.166	-
	17.974.908.948	7.849.822.920

Phải thu

	30/09/2016	30/06/2016
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	-	6.971.039.820
Thuế thu nhập cá nhân	-	282.072.007
	-	7.253.111.827

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng - quý 1 niên độ từ ngày 01/07/2016 đến 30/06/2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09a - DN

19. Chi phí phải trả

	30/09/2016	30/06/2016
	VND	VND
Phí vận chuyển	2.402.983.238	3.511.502.140
Chi phí lãi vay	31.078.825.732	9.845.820.344
Chi phí mua đường	8.564.877.909	8.564.877.909
Lương tháng 13	1.072.678.944	4.467.090.266
Chênh lệch tỷ giá phải trả	-	15.124.618.000
Chi phí khác	2.704.224.421	3.354.974.974
	45.823.590.244	44.868.883.633

20. Các khoản phải trả, phải nộp khác

Ngắn hạn

	30/09/2016	30/06/2016
	VND	VND
Chi phí vận chuyển và thu hoạch mía phải trả	1.822.307.389	1.885.901.296
Phải trả cho Công ty TNHH MTV Mía Đường Tây Ninh	1.200.000.000	1.200.000.000
Cổ tức phải trả	456.318.065	495.156.265
Phải trả trao đổi đường	914.576.828	15.621.337.683
Phải trả TTCE	-	2.490.379.000
Doanh thu chưa thực hiện	215.454.545	370.909.091
Phải trả cán bộ nhân viên	38.191.518	1.791.569.503
Khác	320.895.137	2.172.025.386
	4.967.743.482	26.027.278.224

Trong đó

<i>Phải trả các bên liên quan (thuyết minh 34)</i>	<i>2.114.576.828</i>	<i>20.940.158.314</i>
<i>Phải trả các bên khác</i>	<i>2.853.166.654</i>	<i>5.087.119.910</i>

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng - quý 1 niên độ từ ngày 01/07/2016 đến 30/06/2017
 (tiếp theo)

Mẫu B 09a - DN

21. Quỹ khen thưởng và phúc lợi
 Biến động quỹ khen thưởng và phúc lợi trong kỳ như sau:

	30/09/2016 VND	30/06/2016 VND
Số dư đầu năm	17.015.822.679	13.186.399.999
Trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối	-	19.540.327.699
Sử dụng quỹ	(10.250.296.026)	(15.710.905.019)
Số dư cuối kỳ	6.765.526.653	17.015.822.679

22. Vay dài hạn

	30/09/2016 VND	30/06/2016 VND
Vay dài hạn	96.550.371.875	101.339.329.000
Trái phiếu dài hạn	987.680.000.000	987.020.000.000
Hoàn trả trong vòng 12 tháng	(118.754.170.500)	(117.779.170.500)
	965.476.201.375	970.580.158.500
<i>Trong đó</i>		
<i>Vay từ các bên liên quan (thuyết minh 34)</i>	<i>7.159.024.000</i>	<i>7.159.024.000</i>
<i>Vay từ các bên khác</i>	<i>958.317.177.375</i>	<i>963.421.134.500</i>

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Công Tây Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng - quý 1 niên độ từ ngày 01/07/2016 đến 30/06/2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a - DN

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

Ngân hàng	Tiền tệ	30/09/2016 VND	30/06/2016 VND	Thuyết minh
Vay dài hạn không được đảm bảo:				
Công ty TNHH MTV Mía Đường Tây Ninh	VND	9.545.366.000	9.545.366.000	Khoản vay này không được đảm bảo và có hạn mức tối đa là 36 tỷ VND (30/06/2016: 36 tỷ VND). Số dư 9.545.366.000 VND của khoản vay này được hoàn trả trong 8 kỳ sáu tháng bằng nhau, mỗi kỳ trả 1,193 tỷ VND. Kỳ hoàn trả cuối cùng là vào ngày 10 tháng 4 năm 2020.
Vay dài hạn được đảm bảo:				
Ngân hàng ACB-Tân Thuận	VND	77.244.505.875	80.602.963.000	Khoản vay này có hạn mức tối đa là 100 tỷ VND (30/06/2016: 100 tỷ VND). Số dư 77.244.505.875 VND của khoản vay này được hoàn trả trong 23 kỳ ba tháng bằng nhau, mỗi kỳ trả 3.358.457.125 VND. Kỳ hoàn trả cuối cùng vào ngày 15 tháng 05 năm 2022. Khoản vay này được đảm bảo bằng quyền sử dụng đất của Trung tâm thương mại Tây Ninh (35,678 tỷ), tài sản hình thành trong tương lai từ dự án (106,926 tỷ), 100% khoản phải thu từ dự án
Ngân hàng công thương Tây Ninh	VND	219.000.000	262.000.000	Khoản vay này có hạn mức tối đa là 520 triệu VND (30/06/2016: 520 triệu VND). Số dư 219 triệu VND của khoản vay này được hoàn trả trong 5 kỳ ba tháng bằng nhau, mỗi kỳ trả 43 triệu VND và kỳ cuối cùng trả vào ngày 14 tháng 11 năm 2017. Khoản vay này được đảm bảo bằng 1.000 m2 quyền sử dụng đất tại xã Thạnh Tây, Tân Biên, Tây Ninh và 3 chiếc máy kéo với giá trị thể chấp lần lượt là 654 triệu và 2.874 tỷ.

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Công Tây Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng - quý 1 niên độ từ ngày 01/07/2016 đến 30/06/2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09a - DN

Khoản vay này có hạn mức tối đa là 3,185 tỷ VND (30/06/2016: 3,185 tỷ VND). Số dư 1,849 tỷ VND của khoản vay này được hoàn trả trong 07 kỳ ba tháng bằng nhau, mỗi kỳ trả 264 triệu VND và kỳ cuối cùng trả vào ngày 23 tháng 09 năm 2018. Khoản vay này được đảm bảo bằng 1.000 m2 quyền sử dụng đất tại xã Thạnh Tây, Tân Biên, Tây Ninh và 3 chiếc máy kéo với giá trị thế chấp lần lượt là 654 triệu và 2,874 tỷ.

Khoản vay này có hạn mức tối đa là 4,67 tỷ VND (30/06/2016: 4,67 tỷ VND). Số dư 3,892 tỷ VND của khoản vay này được hoàn trả trong 10 kỳ ba tháng bằng nhau, mỗi kỳ trả 389 triệu VND và kỳ cuối cùng trả vào ngày 30 tháng 03 năm 2019. Khoản vay này được đảm bảo bằng 5 chiếc máy kéo với giá trị thế chấp là 6,873 tỷ.

Khoản vay này có hạn mức tối đa là 4,146 tỷ VND (30/06/2016: 4,146 tỷ VND). Số dư 3,8 tỷ VND của khoản vay này được hoàn trả trong 11 kỳ ba tháng bằng nhau, mỗi kỳ trả 345,5 triệu VND và kỳ cuối cùng trả vào ngày 20 tháng 04 năm 2019. Khoản vay này được đảm bảo bằng 1 máy thu hoạch mía với giá trị thế chấp là 5,127 tỷ.

Gửi trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, bằng đồng Việt Nam ("đồng"), với tổng mệnh giá 1.000 tỷ đồng, được đảm bảo bằng toàn bộ tài sản máy móc thiết bị, nhà xưởng, quyền sử dụng 32 ha đất tọa lạc tại xã Tân Hưng, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh (30/06/2016: 1.000 tỷ VND). Thời điểm mua lại và giá trị mua lại sau ngày phát hành tương ứng bao gồm: Ngày tròn 12 tháng đầu, tối thiểu 10% tổng mệnh giá trái phiếu; Ngày tròn 24 tháng, tối thiểu 15% tổng mệnh giá trái phiếu; Ngày tròn 36 tháng, tối thiểu 25% tổng mệnh giá trái phiếu; Ngày tròn 48 tháng, tối thiểu 25% tổng mệnh giá trái phiếu; Ngày tròn 60 tháng, toàn bộ số trái phiếu đang lưu hành và chưa được thanh toán tại ngày đáo hạn

Ngân hàng công thương Tây Ninh	VND	1.849.000.000	2.113.000.000
Ngân hàng công thương Tây Ninh	VND	3.892.000.000	4.670.000.000
Ngân hàng công thương Tây Ninh	VND	3.800.500.000	4.146.000.000
Trái phiếu phát hành	VND	987.680.000.000	987.020.000.000

1.084.230.371.875 1.088.359.329.000

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Công Tây Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng - quý 1 niên độ từ ngày 01/07/2016 đến 30/06/2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a - DN

23. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần	Thặng dư	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư	Lợi nhuận chưa	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư tại ngày 01 tháng 07 năm 2015	1.485.000.000.000	14.732.000.010	(61.577.199.043)	227.425.653.785	289.521.467.113	1.955.101.921.865
Tăng vốn trong năm	462.610.330.000	137.426.724.600	-	-	-	600.037.054.600
Tái phát hành cổ phiếu quỹ	-	3.015.679.213	21.270.336.750	-	-	24.286.015.963
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	269.383.399.148	269.383.399.148
Phân bổ vào quỹ	-	-	-	16.283.606.416	(35.823.934.115)	(19.540.327.699)
Cổ tức	-	-	-	-	(127.661.462.600)	(127.661.462.600)
Số dư tại ngày 01 tháng 07 năm 2016	1.947.610.330.000	155.174.403.823	(40.306.862.293)	243.709.260.201	395.419.469.546	2.701.606.601.277
Tái phát hành cổ phiếu quỹ	-	66.790.560.242	40.306.862.293	-	-	107.097.422.535
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	100.636.149.728	100.636.149.728
Số dư tại ngày 30 tháng 09 năm 2016	1.947.610.330.000	221.964.964.065	-	243.709.260.201	496.055.619.274	2.909.340.173.540

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng - quý 1 niên độ từ ngày 01/07/2016 đến 30/06/2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09a - DN

24. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	30/09/2016		30/06/2016	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành – mệnh giá				
Cổ phiếu phổ thông	194.761.033	1.947.610.330.000	194.761.033	1.947.610.330.000
Cổ phiếu quỹ – mệnh giá				
Cổ phiếu phổ thông	-	-	(3.268.840)	(32.688.400.000)
Số cổ phiếu đang lưu hành – mệnh giá				
Cổ phiếu phổ thông	194.761.033	1.947.610.330.000	191.492.193	1.914.921.930.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Biến động cổ phiếu quỹ trong kỳ như sau:

	Giai đoạn từ 01/07/2016 đến 30/09/2016 VND	Giai đoạn từ 01/07/2015 đến 30/06/2016 VND
Số dư đầu năm	40.306.862.293	61.577.199.043
Phát hành lại cổ phiếu quỹ trong kỳ	(40.306.862.293)	(21.270.336.750)
Số dư cuối kỳ	-	40.306.862.293



Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng - quý 1 niên độ từ ngày 01/07/2016 đến 30/06/2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09a - DN

25. **Cổ tức**
 Trong giai đoạn 01/07/2016 đến 30/09/2016 không phát sinh giao dịch phân phối cổ tức

26. **Quỹ thuộc vốn chủ sở hữu**

Quỹ đầu tư và phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Các quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

27. **Tổng doanh thu**
 Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp không bao gồm thuế giá trị gia tăng.
 Doanh thu thuần bao gồm:

	Giai đoạn 01/07 đến 30/09	
	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Tổng doanh thu	842.540.809.289	655.453.533.008
Bán đường	751.701.494.726	647.108.560.379
Bán mật đường	13.249.142.861	3.165.001.902
Bán điện	1.031.550.909	-
Bán phân bón	7.566.160.650	4.590.816.727
Bán hàng hoá bất động sản	68.050.509.895	-
Khác	941.950.248	589.154.000
	842.540.809.289	655.453.533.008
Giảm giá hàng bán	(24.641.775)	(859.275.118)
Doanh thu thuần	842.516.167.514	654.594.257.890

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng - quý 1 niên độ từ ngày 01/07/2016 đến 30/06/2017
 (tiếp theo)

Mẫu B 09a - DN

28. Giá vốn hàng bán

	Giai đoạn 01/07 đến 30/09	
	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Giá vốn đường	648.340.519.517	527.825.314.690
Giá vốn mật đường	12.520.440.000	3.148.344.000
Giá vốn điện	1.267.601.837	-
Giá vốn phân bón	7.428.305.777	4.318.164.038
Giá vốn hàng hoá bất động sản	49.231.049.895	-
Khác	932.053.098	606.230.839
	719.719.970.124	535.898.053.567

29. Chi phí bán hàng

	Giai đoạn 01/07 đến 30/09	
	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí nhân viên bán hàng	1.976.494.332	1.796.405.744
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	63.369.407	-
Chi phí khấu hao TSCĐ	49.319.561	4.437.905
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.477.061.592	13.882.523.905
Chi phí bằng tiền khác	1.443.729.237	1.385.515.998
	10.009.974.129	17.068.883.552



Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng - quý 1 niên độ từ ngày 01/07/2016 đến 30/06/2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09a - DN

30. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Giai đoạn 01/07 đến 30/09	
	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý chung	11.959.062.744	10.187.775.660
Chi phí vật liệu quản lý	450.028	1.468.090
Công cụ, dụng cụ đồ dùng văn phòng	816.347.085	154.808.879
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.417.314.381	1.322.147.440
Thuế, phí và lệ phí	28.355.714	59.845.282
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.698.562.983	2.334.187.063
Chi phí bằng tiền khác	9.043.776.792	3.615.940.231
	26.963.869.727	17.676.172.645

31. Doanh thu hoạt động tài chính

	Giai đoạn 01/07 đến 30/09	
	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lãi từ khoản ứng trước cho nông dân trồng mía	3.108.681.847	2.657.271.869
Lãi từ khoản cho công ty liên quan vay	15.983.061.077	6.233.789.623
Cổ tức	1.857.830.000	3.195.353.000
Thu nhập lãi tiền gửi ngân hàng	1.280.180.809	120.300.664
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	797.456.639	(99.235.593)
Lãi hoạt động đầu tư chứng khoán	53.970.660.402	-
	76.997.870.774	12.107.479.563

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng - quý 1 niên độ từ ngày 01/07/2016 đến 30/06/2017
 (tiếp theo)

Mẫu B 09a - DN

32. Chi phí tài chính

	Giai đoạn 01/07 đến 30/09	
	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí lãi vay	40.177.811.707	12.830.796.787
Hoàn nhập/ trích lập dự phòng	5.316.667.667	(4.712.274.772)
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	633.891.459	22.729.262.885
Hoạt động đầu tư chứng khoán	-	1.691
Khác	660.000.000	3.182.645.952
	46.788.370.833	34.030.432.543

33. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	Giai đoạn 01/07 đến 30/09	
	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí thuế hiện hành		
Năm hiện hành	14.711.846.003	8.968.841.409
	14.711.846.003	8.968.841.409
Chi phí thuế thu nhập hoãn lại		
Phát sinh và hoàn nhập các chênh lệch tạm thời	-	-
Chi phí thuế thu nhập	14.711.846.003	8.968.841.409

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng - quý 1 niên độ từ ngày 01/07/2016 đến 30/06/2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09a - DN

- 34. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan**
 Trong kỳ Công ty có các giao dịch sau với các bên liên quan:

Tên công ty	Giai đoạn 01/07 đến 30/09	
	Năm nay	Năm trước
Công ty CP Đầu Tư Thành Thành Công		
Bán thành phẩm	66.860.866.670	69.328.851.429
Lãi ứng trước tiền hàng + lãi cho vay	451.859.916	465.630.355
Nhận Cung cấp dịch vụ	548.969.744	919.174.791
Mua hàng hóa	473.173.290	61.485.000
Công ty CP Thương mại Thành Thành Công		
Bán hàng hóa	66.990.149.762	141.385.714
Lãi vay + lãi ứng trước tiền hàng	6.613.873.664	2.580.277.778
Cung cấp dịch vụ	65.454.546	65.454.545
Mua hàng hóa	451.420.940	-
Nhận cung cấp dịch vụ	366.689.220	1.170.336.955
Cho vay	200.000.000.000	-
Công ty TNHH Đầu Tư Thương Mại Thuận Thiên		
Lãi ứng trước tiền hàng + lãi cho vay	3.121.337.029	9.299.266
Mua hàng hóa	4.821.375.000	3.548.777.372
Công ty CP Đường Nước Trong		
Bán hom giống	-	543.554.000
Mua hom giống	716.573.000	-

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng - quý 1 niên độ từ ngày 01/07/2016 đến 30/06/2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09a - DN

Công ty CP Đường Biên Hòa

Bán hàng hóa	85.907.476.177	-
Cung cấp dịch vụ	5.837.273	-
Mua hàng hóa	-	703.177.600
Nhận dịch vụ	100.560.000	42.221.265

Công ty CP NC UDMĐ Thành Thành Công

Nhận cung cấp dịch vụ	319.500.000	520.800.000
-----------------------	-------------	-------------

Công ty TNHH MTV Thành Thành Công Gia Lai (SEC)

Cung cấp dịch vụ	-	(6.181.818)
Bán hàng hóa	317.142.857	463.821.694
Nhận dịch vụ	30.000.000	-
Mua đường hàng hóa	89.211.039.912	41.945.947.619

Công ty CP Mía đường Tây Ninh

Mua hàng hóa	12.098.238.477	60.000.000
Thu nhập lãi vay	224.444.442	-
Chi phí vay	111.493.967	-
Chia lợi nhuận hợp tác kinh doanh	789.283.405	-

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Bến Tre

Mua hàng hóa	34.403.247.584	10.494.545
Bán hàng hóa	218.662.500	76.750.000
Thu nhập lãi vay	1.219.501.112	2.818.055.555

Công ty TNHH MTV Đường Biên Hòa - Ninh Hòa

Mua hom giống	443.929.500	-
Cung cấp dịch vụ	-	150.000.000

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng - quý 1 niên độ từ ngày 01/07/2016 đến 30/06/2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09a - DN

Công ty Cổ phần Giao dịch hàng hóa Sơn Tín

Bán hàng hóa	-	14.731.285.714
Mua hàng hóa	3.341.904.762	-
Thu nhập lãi trả chậm	-	360.526.667

Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Cồn Thành Thành Công

Bán hàng hoá	7.821.905	-
Cung cấp dịch vụ	5.917.273	-
Vay	182.000.000.000	182.000.000.000

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Công Tây Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng - quý 1 niên độ từ ngày 01/07/2016 đến 30/06/2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09a - DN

Vào ngày kết thúc Quý 1 niên độ 2016-2017, các khoản phải thu và phải trả của các bên liên quan như sau:

Phải thu ngắn hạn của khách hàng

Công ty	Giao dịch	Số dư cuối kỳ	Số dư đầu kỳ
Công ty CP Đầu Tư Thành Thành Công	Bán hàng hoá	51.709.250.000	30.613.930.627
Công ty CP Thương mại Thành Thành Công	Bán hàng hóa	32.866.115.839	214.013.889
	Cung cấp dịch vụ	24.000.000	24.000.000
Công ty CP Đường Biên Hòa	Bán hàng hoá	3.962.730.486	15.911.948.381
Công ty CP NC UDMĐ Thành Thành Công	Cung cấp dịch vụ	-	247.479.500
Công ty TNHH MTV Thành Thành Công Gia Lai (SEC)	Bán hàng hoá	169.723.125	582.601.621
	Cung cấp dịch vụ	-	324.562.125
Công ty CP Mía đường Tây Ninh	Cung cấp dịch vụ	420.000.000	323.333.334
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Bến Tre	Bán hàng hoá	45.885.000	20.891.055.625
Công ty TNHH MTV Đường Biên Hòa - Ninh Hòa	Bán hàng hoá	-	59.646.196.621
Công ty Cổ phần Giao dịch hàng hóa Sơn Tín	Bán hàng hoá	-	15.259.000.000
Trả trước cho người bán ngắn hạn			

Công ty	Giao dịch	Số dư cuối kỳ	Số dư đầu kỳ
Công ty CP Thương mại Thành Thành Công	Mua nguyên liệu	300.000.400.000	14.011.549.910
Công ty TNHH Đầu Tư Thương Mại Thuận Thiên	Mua nguyên liệu	149.058.305.540	107.533.442.140
Công ty CP Đường Nước Trong	Mua hàng hoá	1.825.000.000	15.000.000.000
Công ty CP NC UDMĐ Thành Thành Công	Mua hàng hoá	-	583.135.138
Công ty Cổ phần Giao dịch hàng hóa Sơn Tín	Mua hàng hoá	150.815.000.000	-



Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng - quý 1 niên độ từ ngày 01/07/2016 đến 30/06/2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09a - DN

Phải thu ngắn hạn khác

Công ty

	Giao dịch	Số dư cuối kỳ	Số dư đầu kỳ
Công ty CP Đầu Tư Thành Thành Công	Lãi vay	144.854.167	376.895.208
Công ty CP Thương mại Thành Thành Công	Lãi vay	3.824.901.782	1.829.645.056
Công ty TNHH Đầu Tư Thương Mại Thuận Thiên	Lãi vay	1.098.082.174	625.307.897
Công ty CP Đường Nước Trong	Lãi vay	70.000.000	23.333.333
Công ty CP Đường Biên Hòa	Thu chi hộ	126.820.048	-
Công ty CP Mía đường Tây Ninh	Lãi vay	-	193.333.332
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Bến Tre	Lãi vay	308.032.222	-
Công ty Cổ phần Giao dịch hàng hóa Sơn Tín	Lãi vay	-	3.643.388.890

Phải thu cho vay ngắn hạn

Công ty

	Giao dịch	Số dư cuối kỳ	Số dư đầu kỳ
Công ty CP Thương mại Thành Thành Công	Cho vay	100.000.000.000	100.000.000.000
Công ty CP Mía đường Tây Ninh	Cho vay	10.500.000.000	14.500.000.000

Phải trả người bán ngắn hạn

Công ty

	Giao dịch	Số dư cuối kỳ	Số dư đầu kỳ
Công ty CP Đầu Tư Thành Thành Công	Mua dịch vụ	149.631.346	2.581.604.929
Công ty TNHH Đầu Tư Thương Mại Thuận Thiên	Mua nguyên liệu	-	3.207.560.200
Công ty TNHH MTV Thành Thành Công Gia Lai (SEC)	Mua hàng hoá	11.471.417.982	7.787.217.922
Công ty CP Mía đường Tây Ninh	Mua hàng hoá	6.708.810.400	-



Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng - quý 1 niên độ từ ngày 01/07/2016 đến 30/06/2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09a - DN

Phải trả vay

Công ty

Công ty CP Mía đường Tây Ninh

Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Cồn Thành Thành Công

Giao dịch
 Vay
 Vay

Số dư cuối kỳ
 9.545.366.000
 182.000.000.000

Số dư đầu kỳ
 9.545.366.000
 182.000.000.000

Người mua trả tiền trước ngắn hạn

Công ty

Công ty CP Đầu Tư Thành Thành Công

Công ty CP Thương mại Thành Thành Công

Công ty TNHH Đầu Tư Thương Mại Thuận Thiên

Công ty CP Đường Nước Trong

Công ty CP Đường Biên Hòa

Công ty TNHH MTV Đường Biên Hòa - Ninh Hòa

Giao dịch
 Bán hàng hoá
 Bán hàng hoá
 Bán hàng hoá
 Bán hàng hoá
 Bán hàng hoá
 Cung cấp dịch vụ

Số dư cuối kỳ
 2.371.900.000
 822.879.309
 -
 -
 -
 1.214.000.000

Số dư đầu kỳ
 -
 1.588.600.160
 72.922.918
 371.692.100
 11.906.304.482
 1.214.000.000

Phải trả ngắn hạn khác

Công ty

Công ty CP Đường Biên Hòa

Công ty CP Mía đường Tây Ninh

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Bến Tre

Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Cồn Thành Thành Công

Giao dịch
 Mượn nguyên liệu
 Phải trả về hợp tác kinh doanh
 Chi phí lãi
 Chi hộ

Số dư cuối kỳ
 914.576.828
 1.200.000.000
 -
 -

Số dư đầu kỳ
 15.648.984.731
 1.300.449.068
 1.500.345.515
 2.490.379.000



Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng - quý 1 niên độ từ ngày 01/07/2016 đến 30/06/2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09a - DN

35. Giải trình biến động Kết quả hoạt động kinh doanh

Lợi nhuận trước thuế giai đoạn 01/07 đến 30/09 niên độ 2016-2017 tăng 86% so với cùng kỳ năm trước chủ yếu do những nguyên nhân sau:

- Sản lượng đường tăng 9% so với cùng kỳ, giá bán tăng 7% so với cùng kỳ và thanh lý hàng hóa bất động sản (Tòa nhà Sacombank) làm cho doanh thu tăng 29%
- Thoái vốn Biên Hoà mang lại thu nhập tài chính 53,9 tỷ

Lập bảng



Đặng Thị Diễm Trinh

Kế Toán Trưởng



Lê Phát Tín



Người duyệt
Tổng Giám Đốc

Nguyễn Thanh Ngữ

Ngày 28 tháng 10 năm 2016